

Sông núi Tủa Chùa

Có lẽ vào khoảng tám chín giờ tối, sau khi đài truyền hình Tủa Chùa - tôi không biết ở nước ta có bao nhiêu huyện có đài truyền hình tự làm chương trình để phát như ở đây, nếu có chắc là hiếm - kết thúc bản tin nói về việc xây dựng đời sống mới của xã Tả Sìn Thàng hay Tả Phình gì đó, thì chuông điện thoại của tôi reo vang. Lúc ấy nhìn ra ngoài trời, những đỉnh núi ban chiều còn ngao ngễ dưới nắng cuối thu, giờ chìm sâu trong màn sương phủ. Chuông điện thoại reo khiến tôi cảm thấy bất ngờ. Ai gọi vào giờ này? Hoan hô anh điện thoại di động đã phủ sóng lên tận vùng lỏm của miền núi non xa vời đây.

- Anh đang ở đâu vậy?
- Chào em, anh đang ở Tủa Chùa.
- Anh nói cái gì?
- Anh nói là anh đang ở Tủa Chùa.

Hoá ra cô em thực sĩ của tôi chưa hề nghe đến địa danh này. Cũng không thể trách được, vì em đâu có dịp đặt chân lên miền Tây. Ngay đối với tôi, dù cái tên đất ấy có đã nghe quen, cô đã đọc qua thì Tủa Chùa vẫn cứ là miền đất lạ.

Năm 1981, khi ấy tôi mới chân ướt chân ráo nhập vào làng báo, được Tòa soạn cử đi công tác miền Tây, ăn tết với bộ đội và đồng bào nơi biên ải. Tổng teng một chiếc ba lô, một chiếc máy ảnh, cuốn sổ tay, mấy cây bút bi và một tờ giấy công tác, tôi đi tàu lên Phố Lu, tìm xe đi Phong Thổ, xuống Lai Châu. Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự tỉnh lúc đó là đại tá Hoàng Cao, một nhà quân sự yêu thơ đón tiếp tôi thật nồng nhiệt, khiến tôi có cảm giác như được ăn tết ở gia đình. Nhưng điều quan trọng hơn, ông đã tạo điều kiện để tôi đi được Điện Biên, đi được Sìn Hồ và đặc biệt là đến được Mường Tè. Ngày đó đường xá xấu, nhiều nơi không có đường, đi lại khó khăn, đến nỗi một cán bộ quê Thanh Hoá công tác ở Lai Châu tâm sự, cấp trên gọi lên cho đi phép đã xin không đi. Hời vì sao, vì sợ về quê rồi không muốn trả phép, bởi riêng cái khoản chờ tàu chờ xe, lang thang bờ bụi cũng mất hàng tháng đã đủ làm nhụt sự hăng hái chứ chưa nói đến cuộc sống gian khổ của miền Tây Bắc, mà không lên thì vi phạm kỷ luật, mắc lỗi với đồng chí đồng bào. Bấy giờ buổi trưa ở Hà Nội, chiều có thể có mặt ở Đồ Sơn để nhậu đồ biển ghé thăm các điểm vui chơi giải trí, khuya lại về Hà Nội ngủ, khoảng cách không còn là vấn đề khiến mọi người phải quá quan tâm. Ngày ấy, bộ đội và dân công đã mở được đường vào đến Mường Tè, có thể ngồi xe tải, nhưng đoạn đường chín mươi kilômét cũng đi mất hai ngày. Phải ngủ đố ở Mường Mô một đêm.

Chiều trước hôm đi Mường Tè, tôi làm một vòng quanh thị xã đến một ngã ba bắt gặp tấm biển chỉ đường màu xanh với mũi tên trắng trên ghi: Tủa Chùa. Cái tên đất khiến tôi ngơ ngác, không biết trên đất nước này còn bao nhiêu địa danh mà tôi chưa biết. Tủa Chùa, lần đầu tiên tôi biết đến địa danh này. Cho đến bây giờ tôi vẫn còn giữ cái cảm giác, dường như con đường ấy leo lên cao, như leo mãi lên trời. Định bụng từ Mường Tè trở về, tôi sẽ xin với đại tá Hoàng Cao cho tôi đi Tủa Chùa, nhưng rồi thời gian của đợt công tác đã hết, hơn nữa nghe nói đường giao thông lên đó khó khăn, không thể đi một vài ngày mà tới được. Đại tá Hoàng Cao an ủi tôi:

- Lần sau cậu lên, mình sẽ cho người dẫn cậu đi.

Nhưng ở đời đâu có phải việc gì muốn cũng có thể làm được. Hai mươi mấy năm trời trôi qua, Tủa Chùa vẫn là miền đất lạ đối với tôi. Nay nhân dịp đi công tác Điện Biên, tôi mới có điều kiện ghé lên thăm đất Tủa Chùa. Chuyến đi Điện Biên là nằm trong kế hoạch, còn đi Tủa Chùa hoàn toàn do tình cờ. Tháng mười vừa rồi, nhân hẹn gặp anh Phan Tiến Hùng, Phó Trưởng ban Tuyên giáo tỉnh Lai Châu về Hà Nội họp, bất ngờ được làm quen với một người Tủa Chùa, anh Đỗ Quang Khải, Trưởng ban Tuyên giáo huyện. Trong men rượu la đà, tôi nói tôi muốn đi Tủa Chùa quá mà không làm sao đi được. Anh Khải nắm ngay lấy tay tôi, nói anh hứa rồi nhé, lên Tủa Chùa tôi sẽ đưa anh đi xuống xã, nhiều chuyện hay lắm. Rượu say có thể quên hết mọi thứ, nhưng lời hứa thì không thể quên. Hơn nữa, một người ham muốn đi lại có một người tha thiết mời, làm sao không đi được. Có thể nói việc chúng

tôi đi Tòa Chùa là hết sức bình thường, nhưng khi về Điện Biên làm việc với các anh ở Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Lai Châu lại được các anh khen ngợi. Bởi vì nói theo lối nói dân gian, Tòa Chùa chéo bước chân, và lại đã có đường không, khách bay thẳng Điện Biên mấy ai chịu ngồi ô tô ế người những hai ngày đường dòng rã. Thế mà chúng tôi quyết định đi Điện Biên bằng đường bộ, lại còn rẽ đi Tòa Chùa.

Thực ra đi đường bộ có nhiều cái thú, non nước trải ra trước mắt, sơn thủy hữu tình. Lên Điện Biên bạn có thể theo nhiều đường, có những con đường trùng với con đường dân công đi chiến dịch Điện Biên Phủ ngày xưa. Chẳng hạn đi lên Yên Bái, vượt cầu ở bến Âu Lâu, đi qua Than Uyên, Nghĩa Lộ... Chúng tôi chọn đường đi qua Trung Hà, qua Thanh Sơn - Thu Cúc, lên Tạ Khoa. Đường mới mở, xe bon nhanh. Đến Hát Lót, bắt vào quốc lộ số Sáu chưa được cải tạo và nâng cấp, tốc độ có chậm lại, nhưng dù xuất phát ở Hà Nội muộn vẫn đến được Sơn La chừng bốn giờ chiều. Đêm ấy ngủ lại Sơn La, nghe chuyện Thủy điện Sơn La nay mai hoàn thành, nước sẽ dâng cao lên những bao nhiêu bao nhiêu mét, ngập chìm hàng bao nhiêu vạn hecta đất ruộng làng bản, lòng tôi bỗng thấy nôn nao, không biết khi đó Tòa Chùa của anh Khải sẽ thế nào, nước dâng lên thì núi thấp xuống chẳng? Ngay đêm tôi gọi cho anh Khải. Anh dặn tôi rằng, qua đèo Pha Đin xuống Tuần Giáo, rẽ lối đi Lai Châu, khỏi đèo Huổi Lóng, qua cầu Mùn Chung thì có đường đi Tòa Chùa.

Đường Tuần Giáo - Lai Châu có lẽ do ít người đi nên không được chăm sóc, đầy những ổ trâu ổ voi. Hiếm hoi mới gặp một vài chiếc xe tải chạy ngược chiều. Đường lên Tòa Chùa mới mở, có lẽ ít xe tải nặng đi lại nên vẫn còn tốt. Chúng tôi tắt điều hoà, mở cửa xe cho không khí tươi trong tràn vào, cái không khí ở Hà Nội có tiền cũng không mua nổi, để được thở hít một cách thoải mái. Mùi cỏ thơm thoảng trong bầu khí quẩn tinh khiết, một chút lành lạnh xa vời, mách bảo chúng tôi rằng, chúng tôi đang đi trên vùng đất cao hơn mặt biển cỡ chừng ngàn mét. Bất ngờ những chiếc xe Min-kho lao từ những con đường nhánh ra cuốn bụi mù mịt, hùng hổ như những con ngựa sắt. Cầm lái là những chàng trai da rám nắng đen lấp lánh, đằng sau là cô gái Mông, chân quần xà cạp bắp tròn căng. Những đôi lứa này đưa nhau đi chợ mua sắm hay chỉ đơn giản xuống chợ huyện chơi? Con người khi có tốc độ thì rõ ràng chất lượng cuộc sống được nâng lên. Tuy nhiên mấy người trên xe chúng tôi cùng có chung một cảm giác, hình như thiếu thiếu một cái gì đó, một thứ gì đó.

Ai đấy bỗng kêu lên: Rừng!

Đúng là thiếu rừng. Dọc đường, ngót hai chục cây số lên đến thị trấn Tòa Chùa, không thấy bóng rừng đâu. Núi non trùng điệp, nhưng đều là những núi trụi, ngơ ngác như những chiếc đầu tóc húi cua. Tôi nhớ đã đọc ở đâu đấy rằng, rừng che phủ ở Lai Châu chỉ còn chừng ngót ba chục phần trăm. Sau này nghe các bạn Tòa Chùa xác nhận, rừng còn lại thực tế chỉ trên mười phần trăm mà thôi.

Theo trí tưởng tượng của tôi, ngày trước dứt khoát Tòa Chùa phải là rừng rậm núi cao, chỉ có những người Mông bị nhà Mãn Thanh đàn áp phải bán sớ mới tìm đến Tòa Chùa lánh nạn. Lê Quý Đôn ghi lại trong "Kiến văn tiểu lục" rằng, ở vùng đất lõm miền Tây này có nhiều thứ cây củ lạ, chẳng hạn cây xui, cây mản đế, củ nâu trắng...

Cây xui thì tôi biết. Thời kì đầu kháng chiến chống Pháp, tôi còn là một cậu bé, khi ấy làng tôi rất nghèo, bố mẹ tôi cùng những người hàng xóm mỗi mùa chuẩn bị chống rét đều đi vào rừng đốn những cây xui cao cả trăm thước về bóc vỏ, nện đập cho mềm, phơi nắng thành những tấm tựa tựa như đan dệt bằng bông để may chăn, may áo tơi chống rét. Chắc không ít anh bộ đội cụ Hồ, những anh "vệ túm" ngày ấy đã đắp chung chăn xui với những ông lão nông dân vùng Phú Thọ. Cây xui có ích thế, nhưng lại là thứ cây độc, lấy nhựa cây vào ban đêm cho vào lọ tắm đầu mũi tên bắn trúng hổ, chất độc có thể khiến khoẻ

như hồ cũng phải chết. Những tay tổ nghề săn còn cho biết, nếu đem những mũi tên đó cắm vào củ nâu non, vào củ nâu trắng thì độ độc còn tăng nữa, thú bị bắn trúng là chết ngay. Còn cây mần đẻ, cũng gọi là cây mác vát, mác liên có thể lấy lá, lấy vỏ để duốc cá. (Mới đây nghe nói, người dân quanh vùng hồ Thác Bà đã dùng những thứ cây này để duốc cá, khiến cá mẹ cá con chết nổi trắng mặt nước, nguồn thủy sản có nguy cơ cạn kiệt, nhưng cũng có thể hiểu rằng, rừng Yên Bái đang được hồi phục mới có đất để cho giống cây ấy mọc lại). Đây là chưa kể đến những trai, nghiêng, lim, lát, pơmu, trầm hương, thiên niên kiện, hà thủ ô, tam thất...

Sự thâm u của rừng Tủa Chùa còn sót lại ở những đâu tôi không rõ, nhưng trên đường xuống bản Nả Dò, thôn Hồ Chua chúng tôi bắt gặp hình ảnh hùng vĩ của rừng già qua một mảng rừng xót lại che rợp cả ta luy đá dựng đứng và thung lũng núi hun hút. Nghe nói khi mở con đường nhỏ mà cứng đầu này đã tốn không biết bao nhiêu ngày công và thuốc nổ. Người Mông đến khai phá vùng Tủa Chùa có lẽ bắt đầu từ phát rừng, chọc đất trồng rẫy. Trong chiếc gùi trên lưng của người Mông khi đặt chân đến vùng đất mới được đặt tên Tả Chải (sau này đọc trệch là Tủa Chùa?) ngoài những vật dụng thiết thân, hạt giống ngô, hạt đậu tương... chắc hẳn còn có những hạt giống chè tuyết san (ngày nay người Tủa Chùa gọi là chè cây cao) và giống cây thuốc phiện. Tương truyền cây chè được gieo hạt ngày ấy giờ đã thành chè cổ thụ có đường kính cỡ mét, cao hàng chục mét, tán lá xanh um rải rác ở Xín Chải, trong những mảnh vườn của các giòng họ như giòng họ Hảng ở bản Nả Dò, ở thôn Hồ Chua. Chè cây cao có sức sống dai bền, lá hãm nước uống có chất bổ dưỡng, có thể dùng sát trùng trị vết thương, cành có thể chôn làm cọc rào ngăn thú dữ, là bạn của người Mông. Khi đến Nả Dò chúng tôi bắt gặp một chàng trai đang đốn những gốc chè cây cao. Hỏi sao lại làm vậy, đáp không bán được thì đốn bớt để trồng cây khác. Về thứ cây đặc sản này, số phận của nó gắn với người Mông Tủa Chùa và cũng vất vả long đong như người Mông Tủa Chùa. Năm 1968, Nghị quyết của Tỉnh ủy Lai Châu đã đề ra chủ trương biến Tủa Chùa thành một vùng chuyên canh chè và đặt chỉ tiêu phải trồng được một vạn gốc chè tuyết san. Hơn ba chục năm rồi, cây chè vẫn là nỗi niềm trăn trở của lãnh đạo và dân vùng cao này. Xưởng chè dựng ở xã không có nguyên vật liệu sản xuất đang phải đóng cửa. Cái giống chè quý không chỉ kén đất mà còn kén cả giờ hái, hái xong phải chế biến ngay để héo là giảm chất lượng. Nghe kể, ở bên Phúc Kiến, Trung Quốc có loại chè lá đắng gọi là khổ diệp trà phải hái búp trước khi mặt trời mọc, sau đó xao vò rồi sấy ngay có vậy mới bảo đảm chất lượng xuất khẩu. Dân bản Nả Dò hái chè cũng thật công phu, phải bắc thang leo lên đỉnh cây, hái được yển chè búp rồi đóng sọt đưa đến xưởng nói về thời gian đã mất quá nửa ngày, ấy là chưa cộng thêm việc xếp hàng chờ đợi, chất ượng búp chè buổi sáng còn loại A đến lúc nhân viên ngó đến thì đã thành loại C rồi. Mà xưởng lại không thu mua loại C. Búp chè héo, ế không bán được, đành đổ đi. Đây là nỗi khổ, biết mà đang còn bó tay. Phải chăng với thứ chè quý như thế này việc chế biến chỉ thích hợp với qui mô gia đình? Cây thuốc phiện một thời thịnh trị ở vùng cao. Những nương thuốc phiện bám vào các sườn núi đá, vào mùa cây trở hoa, từ xa nom giống như những đám mây tím ngát đọng lại, đem cho người Mông bạc trắng, nhưng cũng đem theo luôn những con sâu nghiện khoét rỗng cuộc đời. Ngày nay, sau những cuộc vận động kiên trì, những mảng mây hoa thuốc phiện đã bay về trời, người Mông đã định cư trồng ngô và đậu tương, nuôi trâu, nuôi ngựa, nuôi bò để ổn định cuộc sống.

Nhưng người Mông đẻ nhiều con. Giàng A Tính bí thư huyện uỷ có năm con. Ông Bí thư đảng ủy xã Xín Chải là Thào A Pha có mười người con, sáu trai bốn gái. Mấy người con trai lớn đã ra ở riêng, hiện gia đình ông Thào có mười khẩu, để bảo đảm cái ăn mỗi năm phải làm sao thu hoạch ít nhất là hai tấn ngô và ba tạ đậu tương, với trình độ

canh tác như hiện nay không thể không phát rẫy mở rộng diện tích. Theo Chủ tịch huyện Đình Quang Na, Tủa Chùa là một huyện mới, thành lập ngày 18 - 10 - 1955 bao gồm các xã Xín Chải, Huổi Xó, Tả Sin Thàng, Lao Xá Phình, Tả Phìn, Trung Thu, Sính Phình, Tủa Thàng, Mường Đan, Xá Nhè và Mường Báng, dân số Tủa Chùa hiện có trên bốn vạn hai ngàn, để bảo đảm lương thực cho từng ấy miệng ăn phải trồng được ít nhất một trăm bốn mươi héc-ta ngô xuân, bốn trăm mười bốn héc-ta ngô đông, hơn bốn ngàn héc-ta ngô mùa. ấy là chưa kể đất trồng đậu tương và những cây quả khác... Trong tương lai Tủa Chùa vẫn còn phải tiếp tục khai hoang, rừng buộc phải nhường chỗ là điều tất nhiên.

Kỉ ức của người Mông sau cuộc di dân chạy loạn bốn năm trăm năm trước, gửi gắm trong các câu chuyện cổ tích như “Sự tích hoa đào”, “Sự tích cướp vợ”... không thấy nhắc đến con đường người Mông đã đi, nhưng chắc chắn muốn đến Tủa Chùa không thể không vượt qua sông Đà, con sông chính cùng một nhánh của nó là sông Nậm Mực uốn khúc ôm chặt lấy vùng non cao này giống như một con hào phòng ngự. Sông Đà là con sông của Thần linh. Tôi có một người bạn văn gốc gác ở đồng bằng sông Hồng, nhưng tuổi thơ lại thấm đẫm nước sông Đà, da thịt do sữa ngô sông Đà nuôi lớn. Lúc năm sáu tuổi bạn tôi đã làm thân cò lặn lội xúc tép ven sông, rồi trong một lần như thế, có thể vì đói đuối đi bạn bị sóng sông nhấn chìm, cuốn trôi. Bạn có sợ hãi không? Không, bạn bảo thế. Bạn nung nấu một ý nghĩ trong đầu, mình chết trôi xuống dưới kia có ai vớt mình không? Nếu không chắc mình sẽ rét lắm. Dưới kia là đâu, chỗ cầu Hang tôm chăng? Tôi không hỏi. Nhưng lướt về Hà Nội, chúng tôi đã đổi đường, đi qua Lai Châu, để được nhìn cái cầu Hang tôm với lòng sông sâu thẳm thẳm dưới chân, nơi ấy một người sau này sẽ thành một người cha tinh thần của bạn vớt bạn lên. Giữa bạn và người đã đem cho bạn cuộc sống thứ hai rồi ra sẽ còn bao chuyện nghe kể rõ là chuyện kì lạ, chỉ có thể lí giải bằng đời sống tâm linh, hơn cả thần giao cách cảm. Chẳng hạn chuyện bạn nằm mơ thấy người cha nuôi của bạn gặp nạn ở một phương trời xa, bạn giấu mọi người bán tất cả những gì bạn có thể bán được để đi đến cái vùng đất nhìn thấy trong mơ, tìm thấy cha nuôi đúng vào lúc ông đã ăn hết lon gạo cuối cùng từ ba ngày trước, nhưng đây là chuyện tôi sẽ kể trong một dịp khác. Đối với bạn sông Đà là mẹ, cung cấp cho bạn nghị lực để sống. Trước khi trở thành nhà văn, bạn đã đi khắp Tủa Chùa, uống rượu và hát dân ca Mông, tắm gội trong giòng suối văn hóa Mông và các dân tộc ít người khác, để cuối cùng từ trái tim bạn vọt trào ra tiếng hát của sắc điệu núi, sông và suối. Tôi đến đâu cũng nghe cán bộ và dân bản nhắc tên bạn, như nhắc đến một người con, một người em. Đây chính là niềm hạnh phúc chân chính mà bạn xứng đáng được hưởng. Nói đến Tủa Chùa mắt bạn ánh lên một chút ưu tư. Bạn bảo núi càng cao thì sông càng sâu, rừng hoá thành khói thì nước cạn. Tủa Chùa thiếu nước. Giàng A Tí nói, một trong năm cái khó, cũng là năm việc trọng tâm mà Tủa Chùa phải giải quyết là nước. Nay mai thủy điện Sơn La hoàn thành không biết nước ở Tủa Chùa có được cải thiện không?

Muốn hiểu về người Mông Tủa Chùa thì phải đến được nơi những người Mông tiên phong chọn để hạ trại. Đây là lí do để anh Khải đưa chúng tôi đi bản Nả Dò, thôn Hố Chua, xã Xín Chải. Chuyển đi ấy ngoài anh Đỗ Quang Khải còn có thượng tá Sùng A Vàng, chỉ huy trưởng cơ quan quân sự huyện. Anh bảo quê anh ở Xín Chải, nhân tiện về thăm nhà luôn. Từ huyện về thôn Hố Chua khoảng bốn chục cây số, từ bản Nả Dò đến thôn khoảng ngót chục cây, ngày xưa rất đi bộ. Bây giờ có thể ngồi ô tô, nhưng phải là ô tô tải hoặc Uoát, và phải chấp nhận tuổi thọ của xe bị rút ngắn một cách đáng kể. Chiếc xe tám chỗ ngồi của chúng tôi ở Hà Nội nom có vẻ “hầm hố” nhưng anh xe con gặp phải né từ xa, lên Tủa Chùa bỗng trở nên ẻo lả như một cô tiểu thư khuê các, chỉ sợ hỏng bất tử vì gầm thường xuyên va phải đá

tăng. Nhưng đối với Sùng A Vàng thì những con đường xuống bản xuống xã như thế quý chẳng kém gì vàng. Bởi vì một trong những yếu tố quyết định sức mạnh của quân đội chính là sự cơ động. Sùng A Vàng cười tít mắt khoe, nhân dân và bộ đội địa phương đã làm được một trăm sáu mươi kilômét đường liên xã, liên thôn nối với huyện. Có nhờ chính nhờ những con đường như thế này mà người Mông ở Tủa Chùa mới nghĩ đến chuyện sắm xe máy. Có thể vấn đề chè tuyết san của Tủa Chùa sẽ được giải quyết nhờ những con đường mới mở đó chăng? Tương lai của xe máy Việt Nam sẽ là ở nông thôn và vùng núi. Ngay ở thôn Hồ Chua tôi đã thấy gia đình ông Trưởng thôn Hảng A Sinh có đến ba chiếc xe máy xếp dưới gầm sàn. Kế hoạch của huyện sẽ làm tiếp đường từ các xã xuống sông Đà để đón đầu sự phát triển mà khi thủy điện Sơn La hoàn thành sẽ mở ra. Rõ ràng có những cơ hội mới.

Tủa Chùa có một loại rượu uống một chén đã ngà ngà say, rồi uống tiếp mười chén vẫn chỉ ngà ngà say. Rượu ấy có thể uống thay trà buổi sáng, uống trong bữa tiệc tiếp tân, uống trong bữa cơm gia đình. Bữa cơm ủy ban ở xã Xín Chải vừa là bữa cơm công vụ, vừa là bữa cơm gia đình có cả lòng lợn tiết canh, rượu thì lẽ tất nhiên phải có, chẳng cần bàn. Nhưng đồ ăn mà tôi thích nhất chính là thứ rau cải sạch của vùng cao. Cùng tiếp chúng tôi còn có hai cán bộ tăng cường của Bộ đội và Công an huyện. Trụ sở xã Xín Chải nằm ở một thung lũng nhỏ bên cạnh xưởng chế biến chè được xây cất tử tế nhưng hiện đang đóng cửa do chưa có nguyên liệu gia công như tôi đã nói ở trên, có bể chứa nước to, từ thôn Hồ Chua về xuống một cái dốc dài là đến. Đứng ở đầu dốc có thể thấy ngay lá cờ Tổ quốc phấp phất bay, một đám ruộng bậc thang và khu trường học ở trước mặt. Bí thư huyện Giàng A Tính cho biết, số hộ nghèo và cận nghèo ở Tủa Chùa chiếm khoảng năm mươi phần trăm, một sự cố gắng lớn trong nhiệm kỳ qua, nhờ thế số trẻ em đi học đã tăng lên nhiều, riêng học sinh tiểu học có hơn năm ngàn.

Anh cán bộ huyện đội tăng cường là một đại úy cùng Bí thư đảng ủy xã cộng li với tôi. Anh chỉ vào đồng chí bí thư, nói:

- Anh Thào A Pha đây nguyên là lính của E 335 (trung đoàn), đã chiến đấu ở Xiêng Khoảng, mỗi người chúc anh một li nhân đến vùng xa Xín Chải.

- Chúc một Xín Chải yên bình phát triển!

Đây là li rượu thứ bao nhiêu, tôi không nhớ. Nhưng tôi biết rõ tôi nói gì. Sau một cơn sóng gió, Xín Chải giờ yên bình, chăm chỉ làm ăn. Nghe kể, ở Xín Chải có một người tên Vừ Sáo Páo. Ông Vừ Sáo Páo này có một thời gian khuấy đảo Xín Chải, nhưng nay đã lùi đi như con thú ăn đêm. Cha của Vừ ngày xưa đã cộng tác với người Pháp chống lại du kích kháng chiến. Vừ có học được chút ít chữ, thích nghe cái đài lạ, thích loan truyền các tin không hay, đã đi tận Hà Nội thụ giáo rồi về Xín Chải bí mật mở lớp tuyên truyền lôi kéo người dân theo cái gọi là “Vàng chữ”, “Chúa trời” hay “Vua”. Luận điệu vẫn là luận điệu cũ: Đi theo “Vàng Chữ” không làm mà vẫn có ăn. Cây trồng không vun xới mà vẫn sai quả. Cũng có người nghe theo, bỏ việc nương rẫy, bỏ cây chè không chăm. Chủ tịch xã mời Páo lên trụ sở, nói với Páo rằng, Páo đi sai con đường rồi. Páo cúi đầu, giọng rụt rè nhưng đôi mắt lại đảo lia lịa, giãi bày: “Chủ tịch à, mình nói thật cái bụng nhè. Mình đã đi theo con đường Chủ tịch kêu gọi nhiều rồi, đã vào hợp tác, bỏ trồng cây thuốc phiện để trồng ngô trồng đậu, nhưng cái nghèo vẫn đeo đẳng như chiếc mỡ trên cổ trâu không gỡ ra được. Bây giờ mình đi thử theo “Vàng chữ”. Mình thử mà, “Vàng Chữ” cũng bảo không được hút thuốc phiện, chỉ được một vớ. Mình đi thử, nếu không có cuộc sống ấm no, mình sẽ lại quay về với ông Chủ tịch mà”.

Nhưng Vừ Sáo Páo lại xui người ta không làm rẫy, bỏ con trâu đói để đi nghe giảng “Vàng Chữ”, hạt bí ngô không gieo thì làm sao kết trái, cái rẫy không xới thì làm sao diệt cỏ. Người Mông dần hiểu ra, đẩy

chẳng qua chỉ là sự lừa bịp. Đảng và Cụ Hồ từ xưa chẳng đã khuyên người Mông những điều tốt đẹp sao, nhưng Đảng và Cụ bảo rằng tất cả những cái tốt đẹp chỉ có được từ hai bàn tay của mình, chỉ tự mình làm ra mới có. Khi những người Mông không còn tin cái miệng của Vũ Sáo Páo thì Vũ đem theo vợ con biến khỏi Xín Chải.

Trong ngôi nhà của Trưởng thôn Hảng A Sinh tôi thấy có treo một ảnh Cụ Hồ, bên dưới dựng một bức gỗ dài đen bóng để thờ tổ tiên. Sùng A Vàng nói với tôi, rằng những người theo “Vàng chữ” bỏ bàn thờ tổ tiên, những người thờ tổ tiên thì không theo “Vàng chữ”. Trưởng thôn Hảng A Sinh còn kiêm luôn thầy cúng, ở hiên treo một chiếc trống to, gọi là trống ma. Có lẽ đây là gia đình khá giả nhất thôn. Ngồi ở đầu sào là cô con dâu bế trong tay đứa con mới sinh còn đỏ hỏn. Sùng A Vàng bảo cô bé chắc chỉ mười lăm. Người Mông lấy vợ sớm, các cô dâu bây giờ không còn phải sống cuộc sống “làm dâu” như trong “Tiếng hát làm dâu” ngày xưa, nhưng mà làm dâu quá sớm, làm mẹ quá sớm. Vợ A Sinh, chừng ngót bốn mươi, lưng đeo đứa con khoảng một hai tuổi, chơi với đám trẻ trên bãi đất rộng, bên cạnh chiếc bể mới xây cỡ chục mét khối do nhà nước hỗ trợ tiền mua nguyên vật liệu và kĩ thuật để dựng nước cho cả bản dùng chung. Đám trẻ đang nô đùa thấy khách lạ, bèn túm lại một góc, chúng tôi hỏi chuyện, chúng chỉ cười không trả lời. Phải chăng chúng ngượng? Nhưng không phải. Họ hàng của Trưởng thôn là ông Hảng A Nhà, tham gia du kích chống Pháp từ năm 1951, năm nay đã tám mươi tròn, nhưng không nói được tiếng phổ thông, thành thử Sùng A Vàng phải làm phiên dịch cho tôi. Vấn đề chính là ở đây, các em không biết tiếng phổ thông. Các em bé Mông đến trường học tiếng phổ thông, lẽ tất nhiên. Nhà trường có dạy các em chữ Mông không? Theo tìm hiểu của tôi thì không, nhưng ngay từ những năm sáu mươi của thế kỉ trước, chữ Mông đã được nghiên cứu và đưa vào nhà trường, bằng chứng là bài hát mà tới nay nhiều người còn thuộc “Người Mèo (Mông) có chữ Mèo rồi”. Tôi trộm nghĩ, nếu trẻ em Tủa Chùa có học cả chữ Mông thì trình độ tiếng phổ thông có thể sẽ dễ được nâng cao hơn. Đường từ thôn Hồ Chua xuống xã xa cả chục cây số, từ bản lên thôn, lên xã lẽ dĩ nhiên chẳng thể gần hơn, để trẻ em có thể cắp sách đến trường không phải dễ. Trên những vùng cao núi non trùng điệp như Tủa Chùa việc thông tin tuyên truyền đến tận người dân cũng khó như trèo núi. Cái nền tảng của thông tin, của tri thức phụ thuộc vào việc học hành của trẻ em. Cái con số hơn năm ngàn học sinh tiểu học mà tôi nhắc đến ở trên rõ ràng là những con số biết nói. Các em sẽ là thế hệ tô đẹp núi sông Tủa Chùa./.

(Tập chí Nhà văn)